

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2023/HS-PT
Ngày 13 tháng 12 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: ông Hoàng Ngọc Linh, ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** ông Đinh Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 235/2023/TLPT-HS ngày 26/10/2023, đối với bị cáo A, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

- **Bị cáo bị A nghị:**

A, sinh ngày 11/8/1987, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp M 2, xã H, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Thư ký nghiệp vụ Văn phòng công chứng G; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: không; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Đ; vợ là Trần Ngọc N và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/5/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: ông B, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp H, xã I, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông C, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp M 2, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Ông D, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Trung 3, thị trấn N, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Văn phòng công chứng G, địa chỉ: số 538, Quốc lộ 91, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang. Người đại diện theo pháp luật: ông G – Trưởng Văn phòng, vắng mặt.

Người làm chứng: bà L, sinh năm 1993, bà Đ, sinh năm 1954, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A là nhân viên của Văn phòng Công chứng G thuộc khóm V, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang, do không có tiền tiêu xài A nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác.

Để thực hiện tháng 02/2021, thông qua trang Web trên mạng xã hội (không nhớ địa chỉ) A đã đặt mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 3.800.000 đồng. Đồng thời, A đã cung cấp họ tên của C, sinh ngày 15/8/1988, nơi cư trú: ấp M 2, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại xã O, huyện E, tỉnh An Giang, diện tích 15.890 m² để làm thông tin cho phù hợp. Tháng 01/2022, khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, A điện thoại cho D nói có người bạn tên C cần vay 400.000.000 đồng nhờ D介绍, tưởng thật D giới thiệu B (anh vợ của Nhân) cho A. Sau đó, A và B gặp nhau thỏa thuận thống nhất cho A vay 400.000.000 đồng với lãi suất là 2%/tháng/số tiền vay, thời hạn 01 năm phải thanh toán nợ gốc, đóng lãi hàng tháng, B yêu cầu phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp, làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm tin và ký vào bản cam kết *“Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng không nộp hồ sơ vào trung tâm hành chính công, trường hợp 03 tháng không đóng lãi thì có quyền nộp hồ sơ để sang tên chủ quyền và biên bản giao nhận tiền”*. Để tạo lòng tin, A làm 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa C và B rồi tự ký giả mạo chữ ký của C vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất rồi đưa cho B ký. Sau đó, A mang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về Văn phòng công chứng G nơi A đang làm việc. Tại đây, A ký giả mạo chữ ký tên của Công chứng viên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lén lấy con dấu của Văn phòng công chứng đóng vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, rồi đưa lại B, có hợp đồng A yêu cầu B chuyển tiền vào tài khoản của D rồi nhờ D chuyển tiền vào tài khoản của A 274.900.000 đồng và đưa tiền mặt 125.100.000 đồng. Tổng cộng là 400.000.000 đồng.

Số tiền có được A sử dụng 250.000.000 đồng để điều trị bệnh cho mẹ ruột là Đ và tiêu xài cá nhân hết. A thực hiện việc trả lãi cho B được 10 tháng mỗi tháng 8.000.000 đồng x 10 tháng = 80.000.000 đồng. Nhưng kể từ tháng tiếp theo đến hạn trả lãi theo thỏa thuận A không thực hiện, B điện thoại cho A nhiều lần nhưng A không bắt máy. Ngày 01/02/2023, B đến Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân huyện E để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì bị phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả, nên Văn Phòng đăng ký đất đai chi nhánh E có Công văn số 133 kiến nghị

và chuyển vụ việc sang Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện E để tiến hành điều tra làm rõ.

Căn cứ Kết luận giám định số 52/KL-KTHS (TL-GT), ngày 29/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- Chữ ký mang tên G trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/01/2022 (ký hiệu: A1) so với chữ ký mang tên G trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 đến M7) không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG G” trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-01-2022 (ký hiệu: A1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 đến M6) do cùng một con dấu đóng ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên C trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/01/2022 (ký hiệu: A1) so với chữ ký mang tên C trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M8, M9) có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Chữ viết tên C trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/01/2022 (ký hiệu: A1) so với chữ viết mang tên C trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M8, M9) không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Võ Hùng Dũng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB066243 ngày 08/3/2021 (ký hiệu: A2) so với chữ ký mang tên Võ Hùng Dũng trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M10 đến M15) không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB066243 ngày 08/3/2021 (ký hiệu: A2) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M11 đến M16) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB066243 ngày 08/3/2021 (ký hiệu: A2) là phôi giấy giả.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSCP.HS ngày 20 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh An Giang đã truy tố A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 18/5/2023.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện E. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm, tuyên phạt bị cáo A phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự; không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Về hình thức: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang có nội dung, hình thức đúng quy định, nên đủ cơ sở xem xét xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm phù hợp lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ căn cứ xác định bị cáo A đã có hành vi gian dối sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, giả chữ ký của C, chữ ký của công chứng viên trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, để chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của bị hại B. Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là 02 tội danh độc lập, được quy định trong cùng một điều luật. Lẽ ra, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần tuyên từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định, nhưng cấp sơ thẩm tuyên hình phạt 03 năm tù cho cả 02 tội là vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

Bị cáo A chỉ làm giả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không

làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là chưa đúng quy định.

Như vậy, hành vi của bị cáo A phải bị xét xử về 03 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Với những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện E. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A 05 (Năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Nói lời sau cùng, bị cáo A xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: phiên tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 12/9/2023, ngày 11/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKSAG. Căn cứ khoản 1 Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang A nghị trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo A đã có hành vi thuê người làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên C, làm giả 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa C và B (tự ký giả mạo chữ ký của C, ký giả mạo chữ ký tên của Công chứng viên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lén lấy con dấu của Văn phòng công chứng đóng vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất); sử dụng các giấy tờ giả này để chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của bị hại B. Hành vi của bị cáo A đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài

liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:

Hành vi phạm tội của bị cáo A đã đủ yếu tố cấu thành 03 tội: tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo A 05 (Năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là 02 tội danh độc lập, được quy định trong cùng một điều luật, nhưng cấp sơ thẩm tuyên hình phạt 03 năm tù cho cả 02 tội là chưa đúng quy định của luật và các văn bản hướng dẫn. Mặt khác, bị cáo A chỉ làm giả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là chưa đúng quy định. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung này là có căn cứ.

Trong vụ án này, bị cáo A đã thực hiện một chuỗi các hành vi: nhờ người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên C, giả chữ ký C và chữ ký công chứng viên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mục đích nhằm chiếm đoạt của bị hại số tiền 400.000.000 đồng. Xét thấy, số tiền chiếm đoạt 400.000.000 đồng đã cấu thành tình tiết định khung tăng nặng của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, nên không thể xem là tình tiết định khung tăng nặng để xét xử bị cáo về tội “sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bởi lẽ, cùng một hậu quả không thể xem xét để định khung xét xử một bị cáo về 02 tội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 345, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, xem xét phần của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị, nhằm bảo đảm quyền lợi của bị cáo và các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự. Từ đó đủ căn cứ xác định, hành vi của bị cáo phạm 03 tội: tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 2, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A 05 (Năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A 01 (Một) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A 01 (Một) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 07 (Bảy) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 18/5/2023; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo A.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện E (2);
- VKSND huyện E (1);
- CQĐT - Công an huyện E (1);
- Chi cục THADS huyện E (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA An Giang (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tổ Giang

